

Bản án số: **37/2022/HS-ST**
Ngày: 30-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Linh

Ông Nguyễn Tấn Phú

Ông Vũ Minh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Phong và ông Trần Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2022/HSST ngày 01 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu S, sinh năm 1985 tại tỉnh Bình Phước; Nơi thường trú: Thôn 11, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958; gia đình bị cáo có 06 anh E, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1989 và 04 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2021;

Tiền án: Ngày 05/3/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 26/2008/HSPT, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 05/8/2008, tuy nhiên chấp hành xong án phí vào ngày 27/6/2022 nên chưa xóa án tích;

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2022 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Hoàng T – Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước; Địa chỉ: Văn phòng luật sư Thành Vinh – Quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, có mặt.

Người có quyền lợi và N1 vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1955; Trú tại: Thôn 11, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước, có mặt;
2. Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn 11, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước, có mặt;
3. Cháu Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 2010; Trú tại: Thôn 11, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước, có mặt;

Người giám hộ cho cháu T: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn 11, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước, có mặt;

Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn Hồng E, sinh năm 1997; Trú tại: Thôn 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, vắng mặt;
2. Hồ Hiệp N1, sinh năm 2003; Trú tại: Thôn 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, vắng mặt

Người chứng kiến:

1. Anh Trần Thế M, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, vắng mặt;
2. Ông Nguyễn Thế Đ, sinh năm 1969; Trú tại: Ấp P, xã H, huyện B, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu S là người sử dụng chất ma túy. Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 21/01/2022, S điều khiển xe ô tô biển số kiểm soát 29M-6981 chở Nguyễn Thị N (vợ của S) đến nhà ông Nguyễn Hữu B (cha ruột của S), cư trú tại thôn 11, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tại đây, S hỏi mượn ông B số tiền 150.000.000 đồng để đáo hạn số tiền vay vốn tại Ngân hàng Agribank chi nhánh P thì ông B đồng ý [BL 102a; 154, 155; 172, 173]. Sau khi mượn được tiền, S bỏ vào túi vải màu trắng có in chữ “N - Y”, rồi điều khiển xe ô tô chở N đi về nhà. Sáng ngày 22/01/2022, S điện thoại cho Nguyễn Văn Hồng E cư trú tại thôn 4, xã T, huyện B nhờ E dẫn đường đi đến khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia để mua khung xe mô tô, thì E đồng ý. Khoảng 09 giờ cùng ngày, S mang theo túi vải màu trắng có in chữ “N - Y” bên trong đựng 150.000.000 đồng mượn của ông B và điều khiển xe ô tô biển số kiểm soát 29M-6981 đi đến gần khu vực gần nhà của E thì gặp E và bạn của E tên Hồ Hiệp N1. S để xe ô tô biển số kiểm soát 29M-6981 ở lộ cao su gần nhà của E. Sau đó, E điều khiển xe của N1 chở N1 chạy phía trước, S mang theo túi xách đựng 150.000.000 đồng điều khiển xe mô tô không biển số của E chạy theo sau xe của N1. Khi đi đến khu vực cách bờ sông khoảng 100m, thuộc khu vực giáp biên giới giữa Việt Nam và Campuchia thì E và N1 nói S tự đi tìm mua khung xe, còn E và N1 đứng đợi. S lội qua sông, tới khu vực thuộc lãnh thổ Campuchia giáp Việt Nam thì gặp một người đàn ông Campuchia, S hỏi mua khung xe mô tô, nhưng người này nói chưa

có khung xe và đặt vấn đề bán ma túy dạng đá cho S với giá 260.000.000 đồng/kg. Nghe vậy, S nảy sinh ý định mua ma túy về để sử dụng dần, nên S hỏi mua 0,5 kg ma túy đá thì người này đồng ý. Sau đó người đàn ông Campuchia đi khoảng 05 phút, thì quay lại đưa cho S xe 06 (sáu) gói nylon bên trong chứa ma túy đá. Sau khi kiểm tra ma túy xong, S trả cho người này 130.000.000 đồng, rồi S bỏ 06 gói ma túy vào túi vải và lội qua sông về lại lãnh thổ Việt Nam gặp E và N1. Sau đó E điều khiển xe chở N1 chạy phía trước, còn S để túi vải chứa ma túy trên gác ba ga xe chạy phía sau [BL 99 – 102; 199 – 131; 138 – 141; 145 – 148]. Khi đi đến cách chỗ S đậu xe ô tô khoảng 100m thì lực lượng Bộ đội Biên phòng và Công an huyện B kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang đối với S cùng tang vật gồm:

- 06 (sáu) bọc nylon màu trắng, loại có khóa miết bên trong chứa tinh thể màu trắng (S khai nhận là ma túy đá).

- 01(một) xe ô tô biển kiểm soát: 29M-6981, hiệu DAEWOO màu xanh, số máy: 014634, số khung: 751073.

- 01(một) điện thoại NOKIA màu đen, có hai sim Viettel.

- 01(một) túi vải màu trắng có dây kéo có chữ “N-Y” in chồng lên nhau kích thước (20x15)cm.

- Số tiền 20.000.000 đồng.

- 01(một) xe mô tô màu đen không tên hiệu; không biển kiểm soát; số máy: VTT48JL1P50FMC001688; số khung: RRKDCG2UM8XS01688.

- 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô số A047729, BKS: 29M-6981.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Hữu S tại thôn 11, xã L, huyện P, Bình Phước thu giữ:

- 02 (hai) túi nylon bên trong có chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M2).

- 01 (một) thẻ CCCD mang tên Nguyễn Hữu S (do Nguyễn Thị Hồng N giao nộp) [BL 42, 43 và 46].

Tại Bản kết luận giám định số 37/2022/GĐ-MT ngày 25/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước, kết luận:

- Tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) có trong 06 gói nylon hàn kín được niêm phong gửi giám định là Ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 494,3441 gam (Bốn trăm chín mươi bốn phẩy ba bốn bốn một gam).

- Tinh thể màu trắng (ký hiệu M2) có trong 02 gói nylon miệng khóa miết được niêm phong gửi giám định không tìm thấy các chất Ma túy thuộc Danh mục của Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và Nghị định số 60/2020/NĐ – CP ngày 29/5/2020 của Chính Phủ; mẫu có khối lượng là: 11,2925 gam (Mười một phẩy hai chín hai năm gam) [BL: 68].

Cáo trạng số 32/CT-VKSBP-P1 ngày 25/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Hữu S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Hữu S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố đối với bị

cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi và N1 vụ liên quan ông Nguyễn Hữu B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho ông B nhận lại số tiền 20.000.000 đồng thu giữ khi bắt bị cáo, vì đây là tiền ông cho bị cáo mượn.

Người có quyền lợi và N1 vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị N nhận lại chiếc xe ô tô hiệu DAEWOO màu xanh biển kiểm soát 29M-6981 vì đây là tài sản chung của vợ chồng, không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hữu S tại Cáo trạng số 32/CT-VKSBP-P1 ngày 25/7/2022. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 4 khoản Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu S mức hình phạt từ 15 đến 16 năm tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy các đồ vật là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội gồm:

+ 01 (một) thùng giấy dán kín chứa ma túy (mẫu vật hoàn lại sau giám định) bên ngoài ghi vụ số 37 M1 có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Hữu S, cán bộ điều tra Hồ Minh T, giám định viên Nguyễn Văn H và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước.

+ 01 (một) bì thư dán kín chứa chất không phải là ma túy (mẫu vật hoàn lại sau giám định) bên ngoài ghi vụ số 37 M2 có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Hữu S, cán bộ điều tra Hồ Minh T, giám định viên Nguyễn Văn H và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước.

- Đối với 01 (một) chiếc xe ô tô hiệu DAEWOO màu xanh biển kiểm soát 29M-6981, số máy 014634, số khung: 75107301 và 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô số A047729, biển số kiểm soát 29M-6981 là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Hồng N, chị N không biết S sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho chị N;

- Đối với 01 (một) điện thoại NOKIA màu đen và 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Hữu S là tài sản hợp pháp của S đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho S;

- Đối với 01 (một) túi vải màu trắng có dây kéo có chữ “N-Y” in chồng lên nhau kích thước (20x15)cm là của cháu Nguyễn Thị Thủy T đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho cháu T;

- Đối với số tiền 20.000.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang là tài sản hợp pháp của ông B, không liên quan đến vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho ông B;

- Đối với 01 chiếc xe mô tô màu đen không nhãn hiệu, biển số; Số máy: VTT48JL1P50FMC001688; số khung: RRKDCG2UM8XS01688. Qua tra cứu tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Phước không có thông tin về chiếc xe này. Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định trưng cầu giám định số máy, số khung nguyên thủy nhưng chưa có kết quả nên Cơ quan CSĐT tách ra giải quyết sau do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét;

Vấn đề khác:

- Đối với hành vi vượt biên trái phép và Sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Hữu S, Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị Đồn Biên phòng B xử lý đối với Nguyễn Hữu S theo quy định nên không đề nghị HĐXX xem xét;

- Đối với Nguyễn Văn Hồng E là người cho S mượn xe mô tô (không biển số) và rủ Hồ Hiệp N1 cùng dẫn đường cho S đi đến khu vực gần biên giới Việt Nam – Campuchia, nhưng E không biết việc S sang Campuchia mua ma túy về sử dụng nên không đề nghị HĐXX xử lý;

- Đối với Hồ Hiệp N1 đi cùng với E và S đến khu vực gần biên giới Việt Nam – Campuchia, nhưng E không biết việc S sang Campuchia mua ma túy về sử dụng nên không đề nghị HĐXX xử lý;

- Đối với ông Nguyễn Hữu B là người cho S mượn 150.000.000 đồng, nhưng ông B không biết việc S sử dụng số tiền 130.000.000 đồng (trong số tiền S mượn của ông B) để mua ma túy về sử dụng nên không đề nghị HĐXX xử lý;

- Đối với Nguyễn Thị Hồng N là người đi cùng S đến mượn tiền của ông B để đi đáo hạn Ngân hàng, nhưng sau đó S đi mua ma túy thì N không biết nên không đề nghị HĐXX xử lý.

Quan điểm người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần tội danh, hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét gia đình bị cáo hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính gia đình, có con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo có cơ hội cải tạo thành một công dân có ích cho xã hội.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định

tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hữu S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét nơi ở, biên bản khám nghiệm khám nghiệm trường, bản ảnh, biên bản thu giữ vật chứng, kết quả kiểm tra người nghi vấn sử dụng ma túy; Kết luận giám định; phù hợp lời khai của người làm chứng, người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, đã được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 09 giờ ngày 22/01/2022, S mang theo số tiền 150.000.000 đồng đựng trong túi vải màu trắng có in chữ “N-Y” đi đến khu vực giáp biên giới Việt Nam và Campuchia thuộc xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, S lội qua sông gặp một người đàn ông Campuchia (không rõ nhân thân lai lịch) mua 0,5kg ma túy đá, đựng trong 06 gói nylon, với giá 130.000.000 đồng. Sau khi nhận ma túy, S bỏ vào trong túi vải màu trắng, lội lại qua sông quay về thì bị lực lượng Bộ đội biên phòng và Công an huyện B phát hiện bắt quả tang. Kết luận giám định xác định: Tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) có trong 06 gói nylon hàn kín được niêm phong gửi giám định là Ma túy, loại Methaphetanine, có khối lượng là 494,3441 gam (Bốn trăm chín mươi bốn phẩy ba bốn bốn một gam).

Hành vi của bị cáo S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại điểm b khoản 4 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố đối với bị cáo S là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi bị cáo thực hiện đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng của con người mà còn gây mất an ninh, trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân gia tăng, phát sinh của nhiều loại tội phạm, tệ nạn xã hội khác.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội trong khi toàn xã hội đang kiên quyết đấu tranh phòng, chống các loại tệ nạn và tội phạm về ma túy.

[5] Bị cáo S từng bị TAND tỉnh Đắk Nông xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Mặc dù, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng ngày 27/6/2022 bị cáo mới chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm nên chưa được xóa án tích, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, con còn nhỏ

đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo xét thấy cần có mức hình phạt tương xứng, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[7] Do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy các công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và các vật, tài sản không còn giá trị sử dụng:

- + 01 (một) thùng giấy dán kín chứa ma túy (mẫu vật hoàn lại sau giám định) bên ngoài ghi vụ số 37 M1 có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Hữu S, cán bộ điều tra Hồ Minh T, giám định viên Nguyễn Văn H và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước.

- 01 (một) bì thư dán kín chứa chất không phải là ma túy (mẫu vật hoàn lại sau giám định) bên ngoài ghi vụ số 37 M2 có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Hữu S, cán bộ điều tra Hồ Minh T, giám định viên Nguyễn Văn H và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước.

- Đối với 01 (một) chiếc xe ô tô hiệu DAEWOO màu xanh biển kiểm soát 29M-6981 và 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô số A047729, biển số kiểm soát 29M-6981. Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của vợ chồng chị Nguyễn Thị Hồng N, chị N không biết S sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội nên trả lại cho chị N;

- Đối với 01 (một) điện thoại NOKIA màu đen và 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Hữu S là tài sản hợp pháp của S tuyên trả lại cho S;

- Đối với 01 (một) túi vải màu trắng có dây kéo có chữ “N-Y” in chồng lên nhau kích thước (20x15)cm là của cháu Nguyễn Thị Thủy T tuyên trả lại cho cháu T;

- Đối với số tiền 20.000.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang là tài sản hợp pháp của ông B, không liên quan đến vụ án, tuyên trả lại cho ông B;

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

[10] Vấn đề khác:

- Đối với hành vi vượt biên trái phép và Sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Hữu S, Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị Đoàn Biên phòng B xử lý đối với Nguyễn Hữu S theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét;

- Đối với Nguyễn Văn Hồng E là người cho S mượn xe mô tô (không biển số) và rủ Hồ Hiệp N1 cùng dẫn đường cho S đi đến khu vực gần biên giới Việt Nam – Campuchia, nhưng không có cơ sở xác định E biết việc S sang Campuchia mua ma

túy về sử dụng Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét;

- Đối với Hồ Hiệp N1 đi cùng với E và S đến khu vực gần biên giới Việt Nam – Campuchia, nhưng không có cơ sở xác định N1 biết việc S sang Campuchia mua ma túy về sử dụng, Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét;

- Đối với ông Nguyễn Hữu B là người cho S mượn 150.000.000 đồng, nhưng ông B cho S mượn số tiền trên để đáo hạn Ngân hàng, không biết S sử dụng số tiền 130.000.000 đồng (trong số tiền S mượn của ông B) để mua ma túy về sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét;

- Đối với Nguyễn Thị Hồng N là người đi cùng S đến mượn tiền của ông B để đi đáo hạn Ngân hàng, nhưng sau đó S lấy số tiền trên đi mua ma túy thì N không biết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô màu đen không nhãn hiệu, biển số; Số máy: VTT48JL1P50FMC001688; số khung: RRKDCG2UM8XS01688. Qua tra cứu tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Phước không có thông tin về chiếc xe này. Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định trưng cầu giám định số máy, số khung nguyên thủy nhưng chưa có kết quả nên Cơ quan CSĐT tách ra giải quyết sau nên Hội đồng xét xử chưa có cơ sở xem xét;

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa có căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[13] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu S 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy các công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và các vật, tài sản không còn giá trị sử dụng.

+ 01 (một) thùng dán kín chứa ma túy (mẫu vật hoàn lại sau giám định) bên ngoài ghi vụn số 37M1 có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Hữu S, cán bộ điều

tra Hồ Minh T, giám định viên Nguyễn Văn H và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước.

+ 01 (một) bì thư dán kín chứa chất không phải là ma túy (mẫu vật hoàn lại sau giám định) bên ngoài ghi vụ số 37 M2 có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Hữu S, cán bộ điều tra Hồ Minh T, giám định viên Nguyễn Văn H và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng N 01 (một) chiếc xe ô tô hiệu DAEWOO màu xanh biển kiểm soát 29M-6981 và 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô số A047729, biển số kiểm soát 29M-6981;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu S 01 (một) điện thoại NOKIA màu đen và 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Hữu S;

- Trả lại cho cháu Nguyễn Thị Thủy T 01 (một) túi vải màu trắng có dây kéo có chữ “N-Y” in chồng lên nhau kích thước (20x15)cm;

- Trả lại cho ông Nguyễn Hữu B số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng;

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/8/2022 của Cục Thi hành dân sự tỉnh Bình Phước)

- Đối với 01 chiếc xe mô tô màu đen không nhãn hiệu, biển số; Số máy: VTT48JL1P50FMC001688; số khung: RRKDCG2UM8XS01688 Cơ quan CSĐT đã tách ra giải quyết sau nên Hội đồng xét xử không xem xét;

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Hữu S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND CC tại TP.HCM; (2)
- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- CQCSĐT - CA tỉnh Bình Phước; (1);
- CQTHAHS - CA tỉnh Bình Phước (1)
- PV 06 - CA tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- Cục THADS tỉnh Bình Phước; (1)
- Bị cáo; (1) Người bào chữa; (1)
- Người liên quan; (3)
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước; (1)
- THCTP; Lưu THS; Tòa HS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nga